

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>E-ĐKC 1.1</b>	<p>Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia.          Địa chỉ: Số 18 Trần Nguyên Hãn, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.          Mã số thuế: 0102743068          Điện thoại: 0963005859          Email: info@npt.com.vn  <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)]</i></p>
<b>E-ĐKC 1.3</b>	<p>Nhà thầu: _____  <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	<p>Địa điểm dự án: đi qua xã Chi Lăng, xã Tân Chi, xã Liên Bảo, xã Tiên Du, phường Nam Sơn, phường Hạp Lĩnh, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh. <i>[Ghi địa điểm dự án]</i></p>
<b>E-ĐKC 1.11</b>	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.  <i>[Tuỳ theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]</i></p>
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	<p>Các tài liệu khác: Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) khi đánh giá quá trình thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025 của EVN v/v ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.</li> <li>- Quyết định số 219/QĐ-HĐTV ngày 20/12/2022 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia v/v Quy định đánh giá chất lượng dịch vụ tư vấn trong EVNNPT.</li> </ul> <p>Đề nghị các nhà thầu tìm hiểu thông tin về các Quy định của EVN trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: không.</p>
<b>E-ĐKC 5.1</b>	<p>Các trường hợp khác: <i>không áp dụng.</i>  <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi “không áp dụng”]</i></p>
<b>E-ĐKC 7</b>	<p>Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định và trọn gói          + Phần khảo sát và trích đo bản đồ địa chính: Theo đơn giá cố định          + Các phần còn lại: Trọn gói</p>

	<i>[Ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp thì nêu rõ phần công việc nào áp dụng hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo đơn giá].</i>
<b>E-ĐKC 8</b>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p> <p>(2) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 10</b>	<p>10.1. Tạm ứng:</p> <p>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A tự sẽ tạm ứng cho bên B số tiền bằng 20% giá trị hợp đồng (giá trị trước thuế và không bao gồm dự phòng) với điều kiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu</li> <li>- Có bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với mức tương đương giá trị được tạm ứng của nhà thầu.</li> </ul> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành cho đến khi chủ đầu tư thu hồi hết giá trị tạm ứng.</p> <p><b>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</b> Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p><b>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</b> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p>

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

**Hoàn trả tiền tạm ứng:** Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

#### 10.2. Thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền
- Đồng tiền thanh toán: VND.
- Số lần thanh toán: phù hợp với thỏa thuận khi thương thảo ký kết hợp đồng.
- Thời hạn thanh toán:

Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và được chia thành các đợt như sau:

- Công tác khảo sát phục vụ lập TKXD triển khai sau TKCS: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo khảo sát đã được Bên A nghiệm thu và Bên B lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán).
- Công tác lập TKKT: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi có quyết định phê duyệt TKKT công trình, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán). Trong trường hợp Bên B có văn bản đề nghị thanh toán sau khi giao nộp hồ sơ TKKT, Bên A có thể xem xét thanh toán đến 40% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập TKKT” sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ TKKT do Bên B lập, được Chủ đầu

tư thông qua và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. (Hồ sơ TKKT phải có đầy đủ Văn bản thoả thuận/phê duyệt về môi trường và phòng cháy chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền).

- Công tác lập BVTC: Nghiệm thu thanh toán từng đợt theo khối lượng hoàn thành:

+ Bên A sẽ thanh toán đến 70% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập BVTC” sau 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ Thiết kế BVTC phần xây dựng không liên quan đến thiết bị do Bên B lập;

+ Bên A sẽ thanh toán đến 90% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập TKBVTC” sau 14 ngày kể từ ngày đề án “Thiết kế BVTC” được phê duyệt (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán);

- Công tác lập HSMT: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ HSMT do Bên B lập và được phê duyệt, hai bên lập biên bản nghiệm thu và lên khối lượng giá trị thực hiện. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị hạng mục lập HSMT sau khi toàn bộ HSMT các gói thầu được phê duyệt. (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán);

- Công tác đo đạc, lập hồ sơ trích đo địa chính phục vụ thu hồi đất, thuê đất: trong vòng 14 ngày kể từ ngày nghiệm thu và lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B 90% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán);

- Các công tác khác: Thanh toán theo khối lượng hoàn thành và được nghiệm thu.

+ Phần chất lượng sản phẩm (đối với công tác khảo sát, lập TKKT-BVTC và HSMT): Bên A sẽ thanh toán cho Bên B khi Giai đoạn TKBVTC không có những thay đổi lớn về giải pháp kỹ thuật so với ban đầu mà do lỗi của Bên B gây ra, Bên A sẽ nghiệm thu và thanh toán phần chất lượng sản phẩm cho Bên B, nhưng tổng giá trị thanh toán sẽ không vượt quá 95% giá trị hợp đồng.

+ Giá trị còn lại (5%), Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án và hai bên tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng.

Công tác tạm ứng, thanh toán tuân thủ theo Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025).

<b>E-ĐKC 11</b>	<p>Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn bảo hành là: _____</li> <li>- Địa điểm để áp dụng bảo hành là:</li> <li>- Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó.</li> <li>- Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn _____ ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục.</li> <li>- Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại Mục 17.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 12</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: 1035 ngày.
<b>E-ĐKC 13.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng.
<b>E-ĐKC 13.2 (e)</b>	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật]
<b>E-ĐKC 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư.
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
<b>E-ĐKC 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT].
<b>E-ĐKC 16.4</b>	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:</p> <p>Phải có giấy phép hành nghề phù hợp, năng lực kinh nghiệm của thầu phụ phải đảm bảo để thực hiện phần công việc mà mình đảm nhận. Nhà thầu tư vấn phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư về tên các nhà thầu phụ và phạm vi công việc của họ (nếu có). Thông báo này không miễn trừ cho nhà thầu tư vấn các nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 17</b>	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</li> </ul> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</p>

	<p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức:  + Do chậm tiến độ: 0,7% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng (được tính theo giá trị công việc chậm thực hiện).  Tổng số tiền phạt không vượt quá: 3.259.680.000 VNĐ. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.  Mức khấu trừ tối đa: 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Tiến độ của hợp đồng được xác định từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc tiến độ theo thông báo cuộc họp thẩm tra dự án.  + Do chất lượng:  Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong hợp đồng này thì bị Bên A phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Nếu tổng số lần phải hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị quản lý dự án, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người có thẩm quyền vượt quá 2 lần thì cũng xem là không đảm bảo chất lượng và bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần hiệu chỉnh.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu: <b>Không áp dụng.</b></p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.  Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:  - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;  Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:  - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương;  - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể.</li> <li>- Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ.</li> <li>- Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.</li> </ul> <p>Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
<b>E-ĐKC 20</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <p>Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán. Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
<b>E-ĐKC 22.2</b>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này;</li> <li>- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết;</li> <li>- Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau;</li> <li>- Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng là tiếng Việt;</li> <li>- Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 23.1</b>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: _____</li> <li style="padding-left: 40px;">Điện thoại: _____</li> <li style="padding-left: 40px;">Fax: _____</li> <li style="padding-left: 40px;">E-mail: _____</li> </ul>

	<p>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>
--	---